TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 273/2019/HC-PT Ngày 20 - 5 - 2019 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng.

Ông Lê Thành Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 643/2018/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1325/2018/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1001/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Huỳnh Kim H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Cường V, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện B

Trụ sở: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Diệu: Ông Vũ Cường V, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bà Huỳnh Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/6/2004, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3301/QĐ-UB về việc thu hồi đất và tạm giao đất cho Khu Quản lý giao thông đô thị để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng đường song hành và cải tạo mở rộng Tỉnh lộ 10 thuộc địa bàn các Quận 6, quận B1 và huyện B (gọi Dự án Tỉnh lộ 10).

Ngày 22/01/2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 284/QĐ-UBND-ĐTMT về điều chỉnh Dự án Tỉnh lộ 10.

Ngày 17/10/2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4409/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 3301.

Ngày 24/01/2011, UBND huyện B ban hành Quyết định số 267/QĐ-UBND để phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Dự án Tỉnh lộ 10 số 17/PAG-HĐBT ngày 21/01/2011 (viết tắt là Phương án 17) của Ban bồi thường, giải phóng mặt băng huyện B (viết tắt là Ban bồi thường).

Ngày 27/6/2011, Ban bồi thường lập Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 477/PCT-BBT và ngày 08/02/2012 UBND huyện B ban hành Quyết định số 576/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với bà Huỳnh Kim H do bị ảnh hưởng giải tỏa một phần trong Dự án Tỉnh lộ 10 với tổng số tiền 309.051.600 đồng.

Ngày 03/12/2012, Ban bồi thường lập Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 1115/PCT-BBT về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với bà Huỳnh Kim H do bị ảnh hưởng giải tỏa một phần trong Dự án Tỉnh lộ 10 với tổng số tiền 125.762.000 đồng.

Ngày 12/03/2013, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1337/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung của Quyết định số 576 và quyết định này là một bộ phận không tách rời của Quyết định 576.

Ngày 12/02/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND về thu hồi và hủy bỏ Quyết định 1337 và Quyết định 576 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Ngày 13/5/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 6938/QĐ-UBND về bổ sung bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về trang thiết bị, chi phí di chuyển đối với bà H kèm Phiếu chiết tính 1415/PCT-BBT của Ban bồi thường.

Ngày 19/10/2016 UBND huyện B ban hành Quyết định số 9963/QĐ-UBND về khen thưởng cho bà H với tổng số tiền 2.500.000 đồng (kèm Phiếu chiết tính số 2014/PCT-BBT ngày 26/9/2016 của Ban bồi thường).

Sau đó, bà H có đơn đề nghị được bố trí tái định cư và Ban bồi thường đã ban hành Công văn số 5916/BBT ngày 04/11/2015 (gọi Công văn 5916) để trả lời cho bà H biết việc bà H giữ phần diện tích còn lại 38,1m^2 để sử dụng nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định của Phương án 17. Không đồng ý với Công văn 5916, bà H gửi đơn khiếu nại với UBND huyện B. Ngày 22/6/2016, UBND huyện B ban hành Công văn số 1493/UBND (gọi Công văn 1493) về việc trả lời đơn của bà H. Trong Công văn 1493, UBND huyện B đã xác định: "*...phần diện tích còn lại 38,1m^2 sau khi thực hiện Dự án đủ điều kiện cải tạo, sửa chữa lại công trình mới; đồng thời bà H giữ lại phần diện tích này là để sử dụng. Hiện nay, bà H đã tiến hành xây dựng ...nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định ...Công văn 5916 ...là đúng.*"

Tại Đơn khởi kiện bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B thu hồi, hủy bỏ Công văn 1493; Buộc UBND huyện B cấp nền tái định cư mang số hiệu AC 44 với diện tích 80m^2 tại khu tái định cư 30 ha khu Vĩnh Lộc B (gọi nền AC 44) mà bà đã được bốc thăm theo Biên bản ghi nhận số 51/BB-BBT ngày 14/11/2012.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Bình trình bày:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí đất do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng A lập ngày 23/03/2009 được Ủy ban nhân dân xã L (Ủy ban xã) xác nhận ngày 06/5/2010 thì diện tích còn lại ngoài ranh của bà H là 38,1m^2; theo Công văn số 180/UBND ngày 26/6/2012 của Ủy ban xã thì trường hợp của bà H không còn chỗ ở khác tại địa phương và điểm b khoản 1 Phần II Chương VI Phương án 17, ngày 31/5/2012 Hội đồng bồi thường có tổ chức cuộc họp để giải quyết khó khăn, vướng mắc và xét duyệt tái định cư trong Dự án Tỉnh lộ 10, cuộc họp này có các ban ngành đoàn thể của huyện tham dự và có lập Biên bản ghi nhận số 120/BB-HĐBT. Theo biên bản Hội đồng bồi thường thống nhất bố trí tái định cư cho bà H nếu bà H thống nhất giao phần diện tích còn lại nhỏ hơn 40m^2 không đủ quy chuẩn xây dựng; trường hợp bà H không giao thì không giải quyết tái định cư.

Để thuận tiện cho việc bố trí nơi ở mới khi bà H đồng ý giao phần diện tích còn lại ngoài ranh giải phóng mặt bằng. Ngày 11/11/2012, Ban bồi thường phối hợp với các thành viên trong hội đồng tổ chức bốc thăm nền tái định cư cho bà H và kết quả bà H bốc được lô nền AC 44.

Ngày 06/10/2014, tại trụ sở Ủy ban xã L, Ban bồi thường phối hợp với Ủy ban xã L làm việc với bà H về việc đề nghị bà H giao phần diện tích còn lại ngoài ranh 38,1m^2 Dự án Tỉnh lộ 10 cho Nhà nước và bà H có ý kiến là bà để lại không giao.

Tại Công văn số 3556/QLĐT ngày 15/6/2015, Phòng Quản lý đô thị huyện B đã xác định với diện tích còn lại 38,1m^2 của bà H đủ điều kiện lập thủ tục xin phép xây dựng mới (quy mô 5 tầng, có thể bố trí tầng lửng tại trệt và mái che cầu thang tại sân thượng).

Hiện nay, bà H đã tiến hành xây dựng lại tại vị trí phần ngoài ranh nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo quy định tại Phương án 17. Từ cơ sở này, UBND huyện B ban hành Công văn 1493 để trả lời cho bà H biết. Đề nghị, UBND huyện B xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung Công văn 1493.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:

Ông có cùng ý kiến với bà H, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1325/2018/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim H về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1493/UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B về trả lời đơn của bà Huỳnh Kim H bị ảnh hưởng dự án đầu tư mở rộng Tỉnh lộ 10, trên địa bàn huyện B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2018, bà Huỳnh Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Kim H yêu cầu sửa nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà H được mua lại nền tái định cư đã bốc thăm AC 44, diện tích 80m^2 tại khu tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện UBND huyện B đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Kim H khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 1493 của Ủy ban nhân dân huyện B. Công văn này có nội dung trả lời yêu cầu khiếu nại của bà H về việc tái định cư khi thu hồi đất, do đó là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tuy nhiên, người có thẩm quyền trả lời khiếu nại theo quy định pháp luật là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, do đó, phải xác định người khởi kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND huyện B. Tuy nhiên, vấn đề này không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết nội dung, do vậy, UBND huyện B cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Về nội dung Công văn số 1493:

Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường song hành và cải tạo mở rộng Tỉnh lộ 10 thuộc địa bàn Quận 6, B1 và huyện B, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3301/QĐ-UB ngày 30/6/2004 thu hồi đất của các hộ dân, trong đó có bà Huỳnh Kim H.

Căn cứ Bản vẽ điều tra hiện trạng nhà do Công ty TNHH đo đạc – Thiết kế - Xây dựng A lập và Quyết định 576/QĐ-UBND ngày 08/2/2012 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của UBND huyện B thì nhà và đất của bà H thuộc một thửa số 185 tờ bản đồ số 3 theo tài liệu 299/TTg, tương ứng với một phần thửa số 79, tờ bản đồ số 23 theo tài liệu đo mới năm 2005, tọa lạc tại G1/30B ấp 7, xã L, huyện B có một phần trong ranh giải tỏa do ảnh hưởng Dự án Tỉnh lộ 10 và phần diện tích ngoài ranh còn lại là 38,1m^2. Căn cứ Phương án số 17/PABT-HĐBT ngày 21/01/2011 ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND huyện B, cho rằng diện tích còn lại của bà H 38,1m^2 không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở, bà H không còn chỗ ở nào khác nên Hội đồng bồi thường có Biên bản số 120/BB-HĐBT ngày 31/5/2012 thống nhất bố trí cho bà H

01 suất tái định cư với điều kiện bà H phải giao lại diện tích đất 38,1m^2. Tuy nhiên, sau đó bà H không tiến hành bàn giao diện tích đất nêu trên. Tại biên bản làm việc ngày 06/10/2014 của UBND xã L bà H xác định diện tích còn lại ngoài ranh 38,1m^2 bà để lại không giao cho nhà nước.

Qua xác minh của Phòng quản lý đô thị huyện B thì diện tích đất 38,1m^2 đủ điều kiện để lập thủ tục thủ tục xin phép xây dựng mới. Thực tế, bà H cũng đã sửa chữa, xây dựng mới nhà trên đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 226312 vào sổ cấp GCN: CS 004356 ngày 15/01/2016 diện tích xây dựng 38,1m^2, diện tích sàn 152,1m^2.

Do đó, bà H không đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư. UBND huyện B ban hành Văn bản số 1493/UBND trả lời đơn khiếu nại của bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp, bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Kim H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1325/2018/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim H về việc yêu cầu hủy Văn bản số 1493/UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B về trả lời đơn của bà Huỳnh Kim H bị ảnh hưởng dự án đầu tư mở rộng Tỉnh lộ 10, trên địa bàn huyện B.

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã tạm nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0034164 ngày 10/5/2017 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Kim H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã tạm nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0045541 ngày 31/10/2018 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thành Văn **Huỳnh Sáng** **Trần Thị Thu Thủy**